

PHỤ LỤC
DANH MỤC GIÁ TÀI SẢN VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ, VẬT TƯ VẬT LIỆU THU HỒI THANH LÝ NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 592/TB-DHLHN ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Trường Đại học Luật Hà Nội)

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
I	Tài sản cố định		114				3.000.780.920	-		27.391.000	
I.1	Máy điều hoà		20								
1	Điều hoà GENERAL 24000 BTU 2cục	Bộ	1	189	02/06/1998	0	31.090.000		850.000	850.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
2	Máy điều hoà Panasonic 2 cục 1 chiều 18000 BTU	Bộ	1	2239.3	31/12/2010	0	12.250.000		850.000	850.000	Hỏng van tiết lưu, bầu cảm biến trong van tiết lưu bị xì
3	Điều hoà CARRIER 120 BTU 2cục	Bộ	1	277	31/12/1995	0	11.945.000		850.000	850.000	Hỏng van tiết lưu, bầu cảm biến trong van tiết lưu bị xì
4	Điều hoà GENERAL 24000 BTU 2cục	Bộ	1	236	06/12/1999	0	35.059.000		850.000	850.000	Hỏng van tiết lưu, bầu cảm biến trong van tiết lưu bị xì
5	Điều hoà GENERAL 24000 BTU 2cục	Bộ	1	237	06/12/1999	0	35.059.000		850.000	850.000	Hỏng bo mạch chính, main
6	Điều hoà GENERAL 24000 BTU 2cục	Bộ	1	238	06/12/1999	0	37.222.500		850.000	850.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
7	Điều hoà GENERAL 24000 BTU 2cục	Bộ	1	239	06/12/1999	0	37.222.500		850.000	850.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
8	Điều hoà GENERAL 24000 BTU 2cục	Bộ	1	240	06/12/1999	0	37.222.500		850.000	850.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
9	Điều hoà GENERAL 24000 BTU 2cục	Bộ	1	241	06/12/1999	0	37.222.500		850.000	850.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
10	Điều hoà FUJITSU AOY24 - 24000 BTU	Bộ	1	262	06/12/1999	0	36.924.500		850.000	850.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
11	Máy điều hoà nhiệt độ General ASG 1	Bộ	1	1718	23/12/2004	0	17.415.200		850.000	850.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
12	Máy điều hoà General AOG 12 A 2	Bộ	1	1837	22/12/2005	0	31.531.859		850.000	850.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
13	Máy điều hoà 2 cục General AOG 18000 BTU	Bộ	1	1923.1	31/10/2006	0	19.727.812		850.000	850.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
14	Máy điều hoà 2 cục General AOG 18000 BTU	Bộ	1	1923.2	31/10/2006	0	19.727.812		850.000	850.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
15	Điều hoà Daikin 17.150BTU	Bộ	1	2716	2016		37.523.000		850.000	850.000	Hỏng Blok
16	Điều hoà Daikin 17.150BTU	Bộ	1	2466.3	2015		14.001.900		850.000	850.000	Hỏng Blok

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
17	Điều hòa 1 chiều 21.000BTU/h. A804	Bộ	1	2466.6	10/04/2015	0	19.305.000	-	850.000	850.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
18	Điều hòa Daikin 1 chiều 18 000BTU. FTNE50M, lắp đặt (911)	Bộ	1	2438.4	30/12/2014	0	19.104.940	-	850.000	850.000	Hỏng van tiết lưu, bầu cảm biến trong van tiết lưu bị xì
19	Điều hoà GENERAL AOG -24000 BTU 2cụ	Bộ	1	192	10/08/1999	0	35.978.000	-	850.000	850.000	Block hỏng, ga không giải nhiệt
20	Điều hoà GENERAL 200 BTU 2cụ	Bộ	1	200	17/08/1998	0	29.055.000	-	850.000	850.000	Máy nén hoạt động không ổn định
I.2	Máy chiếu		11							-	
1	Máy chiếu đa năng Viewsonic PG 703X.	Chiếc	1	3120	2019	0	24.970.000	-	70.000	70.000	Hỏng main
2	Máy chiếu đa năng Viewsonic PG 703X.	Chiếc	1	3121	2019	0	24.970.000	-	70.000	70.000	Hỏng nguồn, bóng đèn
3	Máy chiếu Viewsonic PG703W + màn chiếu.	Cái	1	2972	30/08/2019	0	39.300.000	-	70.000	70.000	Hỏng bóng đèn, chip
4	Máy chiếu TQ. Phòng LAB	Chiếc	1	2390	31/12/2013	0	47.300.000	-	70.000	70.000	Hỏng nguồn, bóng đèn
5	Máy chiếu Viewsonic PG703W + màn chiếu. A703	Chiếc	1	2968	30/08/2019	0	39.300.000	-	70.000	70.000	Hỏng nguồn, bóng đèn
6	Máy chiếu SONY VPL-EX295	Cái	1	2658	25/9/2016	0	23.595.000	-	70.000	70.000	Hỏng nguồn, bóng đèn
7	Máy chiếu Viewsonic PG703W + màn chiếu. A801	Chiếc	1	2970	30/08/2019	0	39.300.000	-	70.000	70.000	Hỏng nguồn, bóng đèn
8	Máy chiếu đa năng Viewsonic PG707W.	Chiếc	1	3277	30/8/2020	0	29.780.000	-	70.000	70.000	Hỏng main
9	Máy chiếu Viewsonic PG703W + màn chiếu. C102	Chiếc	1	2975	30/08/2019	0	39.300.000	-	70.000	70.000	Hỏng main
10	Máy chiếu Viewsonic PG703W + màn chiếu. C201	Chiếc	1	2976	30/08/2019	0	39.300.000	-	70.000	70.000	Hỏng nguồn, bóng đèn
11	Máy chiếu Viewsonic PG703W + màn chiếu. E202	Chiếc	1	2979	30/08/2019	0	39.300.000	-	70.000	70.000	Hỏng nguồn, bóng đèn
I.3	Máy photocopy		7							-	
1	Máy photocopy RICOH Aficio MP 20LE	Chiếc	1	2157	15/12/2009	0	42.892.500	-	350.000	350.000	Hỏng cụm trống
2	Máy foto RICOH Aficio MP 2501L. SĐH.	Cái	1	2838	31/10/2018	0	46.200.000	-	350.000	350.000	Hỏng lô cuốn, chip
3	Máy foto Ricoh Aficio MP20L2	Cái	1	2299	2012	0	29.980.500	-	350.000	350.000	Hỏng cụm lô sấy
4	Máy Photo RICOH MP2501L. Linh CTSV	Chiếc	1	2492	04/09/2015	0	47.300.000	-	350.000	350.000	Hỏng màn hình điều khiển
5	Máy foto Ricoh Aficio MP20L2	Chiếc	1	2292	31/12/2012	0	29.980.500	-	350.000	350.000	hệ thống cơ khí máy xuống cấp hư hỏng nặng
6	Máy foto Ricoh Aficio MP20L2	Chiếc	1	2290	31/12/2012	0	29.980.500	-	350.000	350.000	Hỏng cụm trống
7	Máy photocopy RICOH	Cái	1	2126	29/10/2008	0	45.489.600	-	350.000	350.000	Hỏng lô cuốn, chip
I.4	Máy tính		45							-	

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
1	Máy tính CMS X-Media XE5D-866. 201K5. VPĐU. Hiền	Bộ	1	2995	27/09/2019	0	14.450.000		100.000	100.000	RAM lỗi nhiều khe, không nhận RAM
2	MVT CMS X-Media X95B-866. A201. V. Thư. Ly, (Mai)	Bộ	1	2854	19/11/2018	0	13.970.000		100.000	100.000	Nguồn (PSU) hỏng, không còn linh kiện thay thế
3	Máy tính CMS X-Media XE5D-866.	Bộ	1	3010	27/09/2019	0	14.450.000		100.000	100.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
4	MVT CMS X-Media X95B-866.	Bộ	1	2856	19/11/2018	0	13.970.000		100.000	100.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
5	Máy tính CMS X-Media màn hình Acer V206. A102. Phụng	Bộ	1	2911	26/11/2018	0	13.970.000		100.000	100.000	Màn hình xanh (BSOD) liên tục
6	Máy tính CMS XMedia X937-668 B111 (Vĩnh)	Bộ	1	2790.2	17/11/2017	0	11.799.700		100.000	100.000	Không lên nguồn, đèn báo không sáng
7	Máy tính CMS X-Media XE5D-866. Qtri -> ĐT (Trình) A107	Bộ	1	3008	27/09/2019	0	14.450.000		100.000	100.000	Card màn hình hỏng, không xuất tín hiệu
8	Máy tính CMS XMedia X937-668 CĐPhong A106 (Thơ)	Bộ	1	2804	17/11/2017	0	11.799.700		100.000	100.000	Mainboard hỏng, không cấp nguồn
9	MVT CMS X-Media X95B-866. A603. Điệp. (K.Hùng)	Bộ	1	2865	19/11/2018	0	13.970.000		100.000	100.000	Nguồn (PSU) hỏng, không còn linh kiện thay thế
10	Máy tính CMS Xmedia (Hằng)	Bộ	1	2474	29/05/2015	0	10.780.000		100.000	100.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
11	Máy tính CMS Xmedia (Ngọc)	Bộ	1	2800.2	17/11/2017	0	11.799.700		100.000	100.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
12	Máy tính CMS XMedia X937-668 B208, 210(Tuân)	Bộ	1	2800.3	17/11/2017	0	11.799.700		100.000	100.000	Nguồn (PSU) hỏng, không còn linh kiện thay thế
13	Máy tính bàn FPT ELEAD lễ tân t2 nhà D TV	Bộ	1	2526	21/12/2015	0	15.235.000		100.000	100.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
14	Máy tính CMS XMedia X937-668	Bộ	1	2791.1	2017	0	11.799.700		100.000	100.000	Mainboard hỏng, không cấp nguồn
15	Máy tính CMS XMedia X937-668	Bộ	1	2791.17	2017	0	11.799.700		100.000	100.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
16	Máy tính CMS XMedia X937-668	Bộ	1	2791.18	2017	0	11.799.700		100.000	100.000	Mainboard hỏng, không cấp nguồn
17	Máy tính CMS XMedia X937-668	Bộ	1	2791.19	2017	0	11.799.700		100.000	100.000	Nguồn (PSU) hỏng, không còn linh kiện thay thế
18	Máy tính CMS XMedia X937-668	Bộ	1	2791.20	2017	0	11.799.700		100.000	100.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
19	MVT CMS X-Media X95B-866.	Bộ	1	2904	2018	0	13.970.000		100.000	100.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
20	MVT CMS X-Media X95B-866.	Bộ	1	2894	2018	0	13.970.000		100.000	100.000	Mainboard hỏng, không cấp nguồn
21	MVT CMS X-Media X95B-866.	Bộ	1	2897	2018	0	13.970.000		100.000	100.000	Nguồn (PSU) hỏng, không còn linh kiện thay thế

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
22	Máy tính CMS. VănY tế-> HVTP B501-> PLQT(công pháp) A310a	Bộ	1	2796	17/11/2017	0	11.799.700		100.000	100.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
23	Máy tính bàn CMS Scorpion S710-197	Bộ	1	2425.2	27/12/2014	0	10.780.000		100.000	100.000	Mainboard hỏng, không cấp nguồn
24	MVT CMS X-Media X95B-866. Hương trợ lý. A300	Bộ	1	2872	19/11/2018	0	13.970.000		100.000	100.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
25	Máy tính CMS X-Media XE5D-866. A300. Tiến	Bộ	1	2983	27/09/2019	0	14.450.000		100.000	100.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
26	Mtính CMS Xmedia X435-668 XM 183888 LTTMai nhận, (Bình)	Bộ	1	2697	11/11/2016	0	11.594.000		100.000	100.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
27	MVT CMS X-Media X95B-866. B105. Phương (Mai Dung)	Bộ	1	2849	19/11/2018	0	13.970.000		100.000	100.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
28	MVT CMS X-Media X95B-866. A502. A502. Hạnh trợ lý	Bộ	1	2847	19/11/2018	0	13.970.000		100.000	100.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
29	Máy tính CMS X-Media XE5D-866. HCNN. XDVBPL	Bộ	1	2988	27/09/2019	0	14.450.000		100.000	100.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
30	Máy tính bàn CMS Scorpion (K.LLCT: Tài)(Tổ Đường lối)	Bộ	1	2436.2	27/12/2014	0	10.780.000		100.000	100.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
31	Mtính CMS Xmedia X435-668 XM 183906 TTChinh nhận(Tuyển)	Bộ	1	2696	11/11/2016	0	11.594.000		100.000	100.000	Mainboard hỏng, không cấp nguồn
32	Máy tính CMS X-Media XE5D-866. PLHS.Tổ TTHS	Bộ	1	2985	27/09/2019	0	14.450.000		100.000	100.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
33	Máy tính CMS XMedia X937-668 ĐTTMai 1406, (Tổ Nga Trung)	Bộ	1	2792	17/11/2017	0	11.799.700		100.000	100.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
34	Máy tính CMS XMedia X937-668 ĐTHiến	Bộ	1	2799	17/11/2017	0	11.799.700		100.000	100.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
35	MVT CMS X-Media X95B-866. Huy Hoàng. B102	Bộ	1	2869	19/11/2018	0	13.970.000		100.000	100.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
36	Máy tính CMS XMedia X937-668 (G. Hoàng)	Bộ	1	2794	17/11/2017	0	11.799.700		100.000	100.000	Mainboard hỏng, không cấp nguồn
37	Máy tính CMS X-Media XE5D-866. Tùng HTQT	Bộ	1	3000	27/09/2019	0	14.450.000		100.000	100.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
38	MVT CMS X-Media(Đ.T.Huệ)	Bộ	1	3251	12/07/2020	0	14.920.000		100.000	100.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
39	Máy tính CMS XMedia X937-668 VTLHoa -> P.bán sách	Bộ	1	2798	17/11/2017	0	11.799.700		100.000	100.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
40	MVT CMS X-Media X95B-866. A303. Vân	Bộ	1	2859	19/11/2018	0	13.970.000		100.000	100.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
41	Máy tính CMS XMedia X937-668 TTCNTT	Bộ	1	2806.15	17/11/2017	0	11.799.700		100.000	100.000	RAM lỗi nhiều khe, không nhận RAM
42	Mtính CMS Xmedia X435-668 XM 183903 TATuần nhận, (HN&GD)	Bộ	1	2708	11/11/2016	0	11.594.000		100.000	100.000	Nguồn (PSU) hỏng, không còn linh kiện thay thế
43	Máy tính CMS Scorpion S435-668 BMHồng nhận	Bộ	1	2624	27/09/2016	0	10.780.000		100.000	100.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
44	MVT CMS X-Media X95B-866. Thúy. A203	Bộ	1	2871	19/11/2018	0	13.970.000		100.000	100.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
45	Máy tính để bàn HP slimline290-P0112D	Bộ	1	MT25004	3/10/2019	0	12.000.000		100.000	100.000	Hồng ram, main
I.5	Máy in		3							-	
1	Máy in A3 Hp Pro 400 M706N Lan HCTH, (Oanh)	Cái	1	2563	31/12/2015	0	29.370.000		250.000	250.000	Hồng
2	Máy in HP Laser Jet 5200, (Minh)	Cái	1	2160	28/12/2009	0	22.893.000		250.000	250.000	Hồng
3	Máy in HP Laser Jet 5200 (Đạt)	2009	1	2161	28/12/2009	0	22.893.000		250.000	250.000	Hồng
I.6	Máy móc thiết bị khác		9							-	
1	Máy tính xách tay HP Pavilion 14-ce0024TU. TTĐBCLĐT. Hằng	Cái	1	2835	05/09/2018	0	14.899.500		500.000	500.000	Hồng nguồn
2	Máy quét HP SacnJet Pro 3500F1. TCKT. Thủy	Cái	1	3131	28/05/2020	0	16.280.000		70.000	70.000	Hồng đèn
3	Máy quét HP SacnJet Pro 3500F1. TCKT. Thủy	Cái	1	3134	28/05/2020	0	16.280.000		70.000	70.000	Hồng đèn
4	Máy quét HP ScanJet Pro 3500F1. HCTH. Vân Anh	Cái	1	2982	10/09/2019	0	15.950.000	-	70.000	70.000	Hồng đèn
5	Tivi 40 inch lễ tân tầngI TV	Cái	1	2534	21/12/2015	0	13.079.000			-	Hồng màn hình
6	Màn chiếu điện Snowwhite KT 3,6m x 3,6m	Cái	1	2211	01/11/2010	0	11.206.800		1.000	1.000	Hồng mô tơ cuốn
7	Bộ điều khiển trung tâm TS770: Có thể kết nối tới 70 máy hội thảo chủ tọa và đại biểu:	Cái	1	BDK1506	01/01/2015	0	26.340.700		20.000	20.000	Hồng không kết nối
8	Âm ly	Cái	1	AL1503	01/01/2015	0	12.205.797		70.000	70.000	Hồng nguồn
9	Phần mềm in hoá đơn thuế	Cái	1	2270	2011	0	15.000.000		-	-	ko sử dụng
I.7	Thiết bị phòng Lab (A504 và A906)		15							-	
1	Thiết bị âm thanh.	Cái	1	2392	31/12/2013	0	20.900.000		100.000	100.000	Hồng
2	Bàn ĐK hệ thống dành cho GV COMWEB.	Cái	1	2384	31/12/2013	0	38.500.000		100.000	100.000	Hồng
3	Bảng chiếu đa chức năng + giá treo + cáp nối	Cái	1	2391	31/12/2013	0	15.400.000		100.000	100.000	Hồng

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
4	Hệ thống mạng + Cáp nối tín hiệu chuyên dụng.	Cái	1	2385	31/12/2013	0	11.440.000		100.000	100.000	Hồng
5	Khối ĐK học viên 2 cổng của hệ thống COMWEB. P	Cái	1	2382	31/12/2013	0	132.000.000		100.000	100.000	Hồng
6	Khối ĐK trung tâm của hệ thống COMWEB.	Cái	1	2381	31/12/2013	0	110.000.000		100.000	100.000	Hồng
7	Khối phụ kiện đầu cuối HS SMART PC.	Cái	1	2383	31/12/2013	0	206.000.000		100.000	100.000	Hồng
8	Lưu điện Santak UPS.	Cái	1	2393	31/12/2013	0	18.700.000		100.000	100.000	Hồng
9	Phần mềm dạy & học ngoại ngữ.	Cái	1	2395	31/12/2013	0	122.000.000		-	-	ko sử dụng
10	Phần mềm quản lý hđ của hệ thống COMWEB.	Cái	1	2394	31/12/2013	0	19.680.000		-	-	ko sử dụng
11	Máy chủ trung tâm X3650M4, màn hình 18.5 LCD.	Cái	1	2380	31/12/2013	0	99.000.000		100.000	100.000	Hồng
12	Amply phòng học NN	Cái	1	2451	31/12/2014	0	10.450.000		50.000	50.000	Hồng
13	Cáp mạng tin học	Cái	1	2450	31/12/2014	0	13.530.000		-	-	Hồng
14	Lưu điện phòng học NN	Cái	1	2454	31/12/2014	0	20.900.000		30.000	30.000	Hồng
15	Máy chủ HP DL380pG8	Cái	1	2448	31/12/2014	0	79.200.000		100.000	100.000	Hồng
I.8	Tủ tài liệu		2							-	
1	Tủ gỗ lim KT 2,5m x 3m	Cái	1	614	28/12/1998	0	13.500.000		10.000	10.000	Hồng, gãy cánh
2	Tủ gỗ lim KT 4m x 2,5m	Chiếc	1	492	20/10/1998	0	15.000.000		10.000	10.000	Hồng gãy cánh,
I.9	Bàn các loại		2							-	
1	Dãy bàn quầy thư viện Kt 5400 x 90	Bộ	1	1836	22/12/2005	0	12.555.000		10.000	10.000	Hồng, gãy
2	Bàn hội thảo 5.2x2.4x0.75 Lợp CLC	Cái	1	2465.2	02/04/2015	0	32.989.000		10.000	10.000	Hồng, rung chân
II	Công cụ dụng cụ		1.140				2.319.707.941	-		21.778.000	
II.1	Máy chiếu		1							-	
1	Máy chiếu Panasonic PJLINK9PT-LB1VEA)	Cái	1	CC25021	27/12/2012		8.810.000		70.000	70.000	cháy đèn chiếu
II.2	Máy điều hoà		6							-	
1	Máy điều hoà Panasonic 2 cục 1 chiều 12000 BTU	Bộ	2	2193.	2009		16.900.000		500.000	1.000.000	Hồng chip
2	Máy điều hoà Panasonic 2 cục 1 chiều 12000 BTU	Bộ	1	2193	2009		8.450.000		500.000	500.000	Hồng bo mạch
3	Máy điều hoà Daikin (P. giữa)	Bộ	2		2016		-		500.000	1.000.000	Hồng lõi
4	Điều hoà Panasonic 9000BTU	Bộ	1		2013		-		500.000	500.000	Hồng nguồn

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
II.3	Máy tính		102							-	
1	Cây máy tính CMS S710-197(ĐTNDT) + Màn hình (P/mượn)	Bộ	1	2521/CCDC1425	2015		8.800.000		100.000	100.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
2	Máy tính Lenovo (DA)	Bộ	3		2010				100.000	300.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
3	Máy tính Fantom (Tổ XXH)	Bộ	1	2322	2012		7.900.000		100.000	100.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
4	Máy tính ELEAD S676 Phòng học NN. (A906) (36 c)	Cái	36	2449	2014		320.760.000		100.000	3.600.000	Mainboard hỏng, không cấp nguồn
5	Máy tính Fantom F9498 (TChi - Đường)	Cái	1	2327	2012		7.900.000		100.000	100.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
6	Máy tính ASUS (Phúc)	Bộ	1		2015	0		-	100.000	100.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
7	Máy tính CMS X-Media (A905) Tin học	Bộ	27	2540	2015		234.184.500		100.000	2.700.000	Bật máy nhưng không vào được BIOS
8	Máy tính CMS X-Media (A907) Tin học	Bộ	30	2541	2015		260.205.000		100.000	3.000.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
9	Máy tính ASUS	Bộ	1		2015	0		-	100.000	100.000	Card mạng, card màn hình onboard hỏng
10	Máy tính HP-HPLV1911	Bộ	1	CC25024	27/12/2013		6.345.000		100.000	100.000	Hỏng ko chạy
II.4	Máy in		22							-	
1	Máy in laser 404DN. PHT Nghị	Cái	1	3507	2021		7.480.000		70.000	70.000	In lem mực nặng, bản in mờ dù đã thay vật tư
2	Máy in HP Pro 400 M401D Nguyệt VPĐU	Cái	1	2557	2015		6.424.000		70.000	70.000	Báo lỗi hệ thống (Error, Service Required) không reset được
3	Máy in HP M402dn -> Hương	Cái	1	CCDC0099	2018		6.350.000		70.000	70.000	Trống in, gạt mực, lô sấy mòn quá giới hạn
4	Máy in Canon 161dn. A12a09. Kiều Thùy Linh	Cái	1	3690	2022		5.500.000		70.000	70.000	Không còn driver cho Windows mới
5	Máy in HP Laserjet Pro 400 M401D. Nhung Tại Chức	Cái	1	2488	2015		6.424.000		70.000	70.000	Trống in, gạt mực, lô sấy mòn quá giới hạn
6	Máy in HP Laser M402D ĐQTuần nhận B110 (XB01676)	Cái	1	2757	2017		6.350.000		70.000	70.000	Báo lỗi hệ thống (Error, Service Required) không reset được
7	Máy in Laserjet HP M401D. TV. Hanhh	Cái	1	2369	2013		7.480.000		70.000	70.000	Không còn driver cho Windows mới
8	Máy in HP Laserjet Pro 400 M401D (TTTT: Hiền)	Cái	1	2419	2014		6.974.000		70.000	70.000	In lem mực nặng, bản in mờ dù đã thay vật tư
9	Máy in HP Laser M401D KTYến nhận	Cái	1	2594	2016		6.424.000		70.000	70.000	Báo lỗi hệ thống (Error, Service Required) không reset được
10	Máy in HP Laser M402D NKThế 102K5(XH01706)	Cái	1	2766	2017		6.350.000		70.000	70.000	Không còn driver cho Windows mới

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
11	Máy in Laser HP M401D, (Hạnh)	Cái	1	2312	2012		5.900.000		70.000	70.000	In lem mực nặng, bản in mờ dù đã thay vật tư
12	Máy in HP M401, (Tài)	Cái	1	2561	2015		6.424.000		70.000	70.000	Báo lỗi hệ thống (Error, Service Required) không reset được
13	Máy in HP M401, (Nhân)	Cái	1	2371	2013		7.480.000		70.000	70.000	Không còn driver cho Windows mới
14	Máy in HP M401, (Tổ XXH)	Cái	1	2604	2016		6.424.000		70.000	70.000	Trống in, gạt mực, lô sấy mòn quá giới hạn
15	Máy in HP M401, (Tuyển)	Cái	1	2588	2016		6.424.000		70.000	70.000	In lem mực nặng, bản in mờ dù đã thay vật tư
16	Máy in HP M401, (BM Luật MT)	Cái	1	3494	2021		7.139.000		70.000	70.000	Báo lỗi hệ thống (Error, Service Required) không reset được
17	Máy in HPLASER M401D NTNghiên nhận	Cái	1	2628	2016		6.424.000		70.000	70.000	Không còn driver cho Windows mới
18	Máy in HP Laser 401.Đào tạo(Nghị) -> Thái. CTSV. B102	Chiếc	1	2411	2014		6.974.000		70.000	70.000	Không còn driver cho Windows mới
19	Máy in HP Laserjet Pro 400 M401D (CTSV: Phú)	Chiếc	1	2418	2014		6.974.000		70.000	70.000	In lem mực nặng, bản in mờ dù đã thay vật tư
20	Máy in HP Laser M401D PV Hạnh. B201	Cái	1	2592	2016		6.424.000		70.000	70.000	Trống in, gạt mực, lô sấy mòn quá giới hạn
21	Máy in HP Laser M402D NHLong (XD11481), Tổ LDS	C	1	2764	2017		6.350.000		70.000	70.000	In lem mực nặng, bản in mờ dù đã thay vật tư
22	Máy in HP M402, (Tổ HN&GD)	Cái	1	CCDC1992	2018		6.350.000		70.000	70.000	Trống in, gạt mực, lô sấy mòn quá giới hạn
II.5	Máy Scan		4							-	
1	Máy Scan HP 3500f1-> Điệp-> Hùng	Cái	1	CCDC0139	2019		-		70.000	70.000	Hỏng đèn
2	Máy Scan Plustek PS386	Cái	1	2631	2016		9.200.000		70.000	70.000	Hỏng đèn
3	Máy Scan HP ScanJet G4050 Điệp CNTT	Cái	1	2516	2015		6.250.000		70.000	70.000	Hỏng nguồn
4	Máy Scan Canon LIDE110-01	Cái	1	CC25023	27/12/2013		1.227.000		70.000	70.000	Hỏng đèn
II.6	Máy lọc nước		10							-	
1	Máy lọc nước RO10L	Cái	1	CC25036					50.000	50.000	Cháy nguồn
2	Máy lọc nước RO10L	Cái	1	CC25037					50.000	50.000	Hỏng bơm
3	Máy lọc nước RO10L	Cái	1	CC25038					50.000	50.000	Hỏng bình áp
4	Máy lọc nước RO10L	Cái	1	CC25041					50.000	50.000	Hỏng van áp
5	Máy lọc nước RO10L	Cái	1	CC25042					50.000	50.000	Hỏng van điện từ

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
6	Máy lọc nước RO10L	Cái	1	CC25044					50.000	50.000	Hỏng van điện từ
7	Máy lọc nước RO10L	Cái	1	CC25047					50.000	50.000	Hỏng van điện từ
8	Máy lọc nước RO 20L/h lắp đặt nhà A	Cái	1	2788.13	2017		6.641.800		50.000	50.000	Hỏng bơm
9	Cây nước Kangaroo-KG34C	Cái	1	CC25002	23/9/2013		3.182.000		50.000	50.000	Hỏng ko ra nước
10	Cây nước Kangaroo-KG34C	Cái	1	CC25003	31/12/2013		2.254.500		50.000	50.000	Hỏng nguồn
II.7	Âm ly		10							-	
1	Bộ tăng âm 120W Nguồn điện 220V – 240V AC	Cái	1	TA1502	2015		8.177.421		50.000	50.000	Cháy nguồn
2	Bộ tăng âm 120W Nguồn điện 220V – 240V AC	Cái	1	TA1502	2015		8.177.421		50.000	50.000	Âm thanh bị dè, méo tiếng
3	Bộ tăng âm 120W Nguồn điện 220V – 240V AC	Cái	1	TA1502	2015		8.177.421		50.000	50.000	ko lên nguồn
4	Bộ tăng âm 120W Nguồn điện 220V – 240V AC	Cái	1	TA1502	2015		8.177.421		50.000	50.000	Quạt tản nhiệt bị hỏng
5	Tăng âm 120W	Bộ	4	TA1501	2015		28.137.912		50.000	200.000	Hỏng nguồn
6	Bộ tăng âm 120W Nguồn điện 220V – 240V AC	Cái	1	TA1502	2015		8.177.421		50.000	50.000	Quạt tản nhiệt bị hỏng
7	Bộ tăng âm 120W Nguồn điện 220V – 240V AC	Cái	1	TA1502	2015		8.177.421		50.000	50.000	Ko có tiếng
II.8	Mic các loại		80							-	
1	Micro không dây	Bộ	12	MIC1505	2015		388.245.145		5.000	60.000	màng rung yếu
2	Micro không dây cài ve áo	Cái	8	MIC1503	2015		99.126.420		5.000	40.000	màng rung yếu
3	Bộ thu micro không dây	Bộ	8	MIC1504	2015		44.932.920		5.000	40.000	Hỏng ko có tiếng
4	Micro có dây	Cái	3	MIC1501	2015		8.877.321		5.000	15.000	Hỏng dây
5	Micro không dây	Cái	2	MIC1502	2015		8.118.214		5.000	10.000	méo vỡ âm
6	Micro đại biểu TS 772	Cái	24	MIC1509	2015		195.844.368		5.000	120.000	Hỏng màng rung
7	Micro phòng học NN (A906)	Cái	1	2453	2014		8.690.000		5.000	5.000	Hỏng màng rung
8	Micro MD1300	Cái	1		2024				5.000	5.000	Hỏng màng rung
9	Micro MD1300	Cái	1		2024				5.000	5.000	Hỏng màng rung
10	Micro MD1300	Cái	1		2024				5.000	5.000	Hỏng màng rung
11	Micro MD1300	Cái	1		2024				5.000	5.000	Hỏng màng rung

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
12	Micro MD1300	Cái	1		2024				5.000	5.000	Hỏng màng rung
13	Micro MD1300	Cái	1		2024				5.000	5.000	Hỏng màng rung
14	Micro MD1300	Cái	1		2019				5.000	5.000	Hỏng màng rung
15	Micro MD1300	Cái	1	CCDC0366	2019				5.000	5.000	Hỏng màng rung
16	Micro MD1300	Cái	1	CCDC0373	2019				5.000	5.000	Hỏng màng rung
17	Micro có dây	Cái	1	CCDC0380	2019				5.000	5.000	méo tiếng, vỡ âm
18	Micro có dây	Cái	1	CCDC0387	2019				5.000	5.000	Hỏng dây
19	Micro MD1300	Cái	1	CCDC0394	2019				5.000	5.000	Hỏng rắc cắm mic
20	Micro có dây	Cái	1	CCDC0401	2019				5.000	5.000	Hỏng rắc cắm mic
21	Micro MD1300	Cái	1	CCDC0408	2019				5.000	5.000	Hỏng rắc cắm mic
22	Micro có dây	Cái	1	CCDC0415	2019				5.000	5.000	Hỏng rắc cắm mic
23	Micro có dây	Cái	1	CCDC0422	2019				5.000	5.000	Hỏng rắc cắm mic
24	Micro có dây	Cái	1	CCDC0429	2019				5.000	5.000	Hỏng rắc cắm mic
25	Micro có dây	Cái	1	CCDC0436	2019				5.000	5.000	Hỏng rắc cắm mic
26	Micro MD1300	Cái	1	CCDC0439	2022				5.000	5.000	Hỏng rắc cắm mic
27	Micro MD1300	Cái	1	CCDC0452	2024				5.000	5.000	Hỏng rắc cắm mic
28	Micro có dây	Cái	1	CCDC0458					5.000	5.000	Hỏng rắc cắm mic
29	Micro có dây	Cái	1	CCDC0464					5.000	5.000	Hỏng rắc cắm mic
II.9	Loa các loại		27							-	
1	Loa di động LK12, 550W,	Cái	1	3803	2023		8.250.000		50.000	50.000	Cháy nguồn
2	Loa cột treo tường 40W	Cái	4	LOA1502	2015		10.852.780		50.000	200.000	Màng loa bị rách
3	Loa cột treo tường 30W	Cái	10	LOA1501	2015		12.541.070		50.000	500.000	Loa bị rè
4	Loa hộp 60w Toa	Cái	4	LOA1504	2015		18.420.780		50.000	200.000	Loa bị rè
5	Loa hộp 60w Toa	Cái	1	LOA1503	2015		4.605.195		50.000	50.000	Loa bị rè
6	Loa máy tính	Cái	1	CCDC1402			-		50.000	50.000	Loa ko phát ra tiếng
7	Loa cột treo tường 40W	Cái	2	LOA1502	2015		5.426.390		50.000	100.000	Loa mất kết nối
8	Loa toa treo tường	Cái	2	CCDC1964	2010				50.000	100.000	Loa mất kết nối
9	Loa toa treo tường	Cái	2	CCDC1982					50.000	100.000	Loa mất kết nối
II.10	Bàn các loại		195							-	

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
1	Bàn nhân viên	Chiếc	1	BAN1509	2015		1.550.000		1.000	1.000	Hỏng mặt bàn
2	Bàn làm việc	Chiếc	2	CCDC0196					1.000	2.000	Gãy chân bàn
3	Bộ bàn ghế salon (1 bàn; 1 ghế băng dài; 2 ghế đơn)	Bộ	1	CCDC0204	2001				1.000	1.000	Gãy chân bàn
4	Bàn gỗ CN 0.6m x 1.2m	Chiếc	1	CCDC0212	2015				1.000	1.000	Nứt mặt bàn
5	Bàn họp gỗ CN 120x240x75cm B210->A12a.08	Chiếc	1	CCDC0166					1.000	1.000	Phồng rộp mặt bàn
6	Bàn làm việc chữ L gỗ CN 155x155x75cm (cũ)	Cái	2	CCDC0167			-		1.000	2.000	Gãy chân bàn
7	Bàn làm việc chữ L gỗ CN	Cái	1	CCDC0149					1.000	1.000	Phồng rộp mặt bàn
8	Bàn giáo viên	Chiếc	2	BAN1530	2015		2.200.000		1.000	2.000	Trầy xước mặt bàn
9	Bàn gỗ vuông	Cái	2	CCDC2144	2010		-		1.000	2.000	Bong tróc
10	Bàn gỗ dài hình chữ nhật	Cái	17	CCDC2145	2010		-		1.000	17.000	Bong tróc
11	Bàn gỗ quầy tròn	Cái	2	CCDC2146	2010		-		1.000	2.000	Bong tróc
12	Bục phát biểu gỗ CN	Cái	1	CCDC0239	2020				1.000	1.000	Phồng rộp mặt bục
13	Bục phát biểu	Cái	1	BUC1501	2015		3.000.000		1.000	1.000	Hỏng
14	Bàn nhân viên	Cái	1	BAN1511	2015		1.550.000		1.000	1.000	Hỏng
15	Bàn quầy 230x200x75cm	Cái	1	CCDC1381	2010		-		1.000	1.000	Trầy xước, bàn lễ hỏng
16	Bàn nước 45x60x75cm	Cái	1	CCDC1382	2010		-		1.000	1.000	Phồng rộp, bong tróc
17	Bàn nước 80x75x75cm	Cái	1	CCDC1462	2010		-		1.000	1.000	Phồng rộp, bong tróc
18	Bàn họp 180x90x75cm	Cái	1	CCDC1463	2010		-		1.000	1.000	Phồng rộp, bong tróc
19	Bàn làm việc 100x60x75cm	Cái	1	CCDC1464	2010		-		1.000	1.000	Phồng rộp, bong tróc
20	Bàn máy tính 100x60x75cm	Cái	1	CCDC1465	2010		-		1.000	1.000	Phồng rộp, bong tróc
21	Bàn làm việc 120x60x75cm	Cái	1	CCDC1466	2010		-		1.000	1.000	Phồng rộp, bong tróc
22	Bàn gỗ CN 100x47x75cm	Cái	1	CCDC1469	2010		-		1.000	1.000	Phồng rộp, bong tróc

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
23	Bàn nước 52x75x75cm	Cái	1	CCDC1416	2010				1.000	1.000	Phòng họp, bong tróc
24	Bàn làm việc 155x60x75cm	Cái	1	CCDC1467	2010				1.000	1.000	Phòng họp, bong tróc
25	Kệ tài liệu gỗ 47x26x75cm	Cái	1	CCDC1468	2010				1.000	1.000	Phòng họp, bong tróc
26	Bàn máy tính tra cứu đứng 55x55x100cm	Cái	16	CCDC1486	2010				1.000	16.000	Phòng họp, bong tróc
27	Bàn máy tính (Bàn đọc) 100x60x75cm	Cái	6	CCDC1487	2010				1.000	6.000	Phòng họp, bong tróc
28	Bàn máy photo	Cái	1	CCDC1488	2010				1.000	1.000	Phòng họp, bong tróc
29	Bàn nước 75x50x75cm	Cái	1	CCDC1489	2010				1.000	1.000	Phòng họp, bong tróc
30	Bàn quầy 265x200x75cm	Cái	1	CCDC1490	2010			-	1.000	1.000	Phòng họp, bong tróc
31	Bàn đọc sách 190x90x75cm	Cái	17	CCDC1491	2010			-	1.000	17.000	Phòng họp, bong tróc
32	Bàn đọc sách 245x90x75cm	Cái	1	CCDC1492	2010				1.000	1.000	Phòng họp, bong tróc
33	Bàn nước 50x80x75cm	Cái	1	CCDC1449	2010				1.000	1.000	Phòng họp, bong tróc
34	Bàn máy tính bàn đọc	Cái	45	CCDC1519	2010				1.000	45.000	Phòng họp, bong tróc
35	Bàn gỗ CN cũ	Cái	1	CCDC1572	2010			-	1.000	1.000	Gậy chân bàn
36	Bàn máy tính cũ (năm 2010)	Cái	2	CCDC1578	2010			-	1.000	2.000	Gậy chân bàn
37	Bàn máy tính bàn đọc (thư viện)	Cái	1	CCDC0668	2010				1.000	1.000	Gậy chân bàn
38	Bàn nước góc gỗ CN cũ	Cái	2	CCDC1627				-	1.000	2.000	Gậy chân bàn
39	Bàn gỗ CN, KT 0.8x0.70x0.75m	Cái	1	CCDC1688	2017			-	1.000	1.000	Phòng họp
40	Bàn máy tính cũ 120x65x75cm	Cái	1	CCDC1708	2019				1.000	1.000	Phòng họp
41	Bàn máy tính cũ	Cái	2	CCDC1709					1.000	2.000	Phòng họp
42	Bàn làm việc chuyên viên (năm 2017)	Cái	1	CCDC1735	2017				1.000	1.000	Phòng họp

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
43	Bàn máy tính cũ (màu ghi)	Cái	1					-	1.000	1.000	Phòng rộp
44	Bàn làm việc (cũ) 160x85x75cm	Cái	2	CCDC1748					1.000	2.000	Phòng rộp
45	Kệ gỗ CN 45x120x50cm	Cái	1	CCDC1746					1.000	1.000	Phòng rộp
46	Bàn nước	Cái	1	CCDC1770					1.000	1.000	Phòng rộp
47	Bàn làm việc cũ	Cái	1	CCDC1779				-	1.000	1.000	Phòng rộp
48	Bàn lãnh đạo bộ môn D160xR85xC75cm	Cái	1	CCDC1780	2019				1.000	1.000	Gãy chân bàn
49	Bàn đôi cabin gỗ CN	Cái	18	CCDC0316	2014				1.000	18.000	Bong tróc
50	Bàn làm việc cũ	Cái	2	CCDC1827				-	1.000	2.000	Trầy xước mặt bàn
51	Bàn trưởng phòng	Bộ	1	BAN1514	2015			4.800.000	1.000	1.000	Gãy chân bàn
52	Bàn làm việc chuyên viên	Cái	6	CCDC1900	2016			-	1.000	6.000	Bong tróc
53	Bàn trưởng phòng, bàn phó phòng	Bộ	1	BAN1517	2015			3.450.000	1.000	1.000	Gãy chân bàn
54	Bàn nhân viên	Chiếc	1	BAN1518	2015			1.550.000	1.000	1.000	Chân bàn lung lay
55	Bàn họp, bàn làm việc các khoa, bộ môn (bàn 2m)	Chiếc	2	BAN1522	2015			7.360.000	1.000	2.000	Gãy mặt bàn
56	Bàn nhân viên	Chiếc	5	BAN1516	2015			7.750.000	1.000	5.000	Phòng rộp
57	Bàn trưởng bộ môn, bàn trợ lý khoa, bàn truy cập máy tính các bộ môn	Chiếc	1	BAN1520	2015			1.550.000	1.000	1.000	Phòng rộp
58	Bàn họp, bàn làm việc các khoa, bộ môn (bàn 2m)	Chiếc	2	BAN1522	2015			7.360.000	1.000	2.000	Hồng gãy chân
59	Bàn họp, bàn làm việc các khoa, bộ môn (bàn 2m) (SHTT)	Chiếc	1	BAN1522	2015			3.680.000	1.000	1.000	Hồng gãy chân
60	Bàn nhân viên	Chiếc	1	BAN1509	2015			1.550.000	1.000	1.000	Bong tróc
61	Bàn họp, KT: D2,4xR1,2xC0,75m	Cái	1	CCDC2130	2019			-	1.000	1.000	Gãy chân bàn
II.11	Ghế các loại		344							-	
1	Ghế trưởng, phó phòng	Chiếc	2	GHE1508	2015			4.200.000	1.000	2.000	Hồng
2	Ghế nhân viên	Chiếc	1	GHE1509	2015			2.120.000	1.000	1.000	Hồng
3	Ghế xoay	Chiếc	5	CCPC1314					1.000	5.000	Hồng
4	Ghế gỗ	Cái	3	CCDC0036	2010			-	1.000	3.000	Hồng

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
5	Ghế trường, phó phòng	Chiếc	1	GHE1506	2015		2.100.000		1.000	1.000	Hồng
6	Ghế gấp xuân hòa	Chiếc	1	CCDC0047	2010				1.000	1.000	Hồng
7	Ghế xoay văn phòng	Chiếc	2	CCDC1351					1.000	2.000	Hồng
8	Ghế xoay	Chiếc	1	CCDC1302					1.000	1.000	Hồng
9	Ghế nhân viên	Chiếc	1	GHE1507	2015				1.000	1.000	Hồng
10	Ghế gỗ 3 nan	Chiếc	6	CCDC0198	2006				1.000	6.000	Hồng
11	Ghế gấp	Cái	1	GHE1519	2015		510.000		1.000	1.000	Hồng
12	Ghế gỗ	Cái	1	CCDC0225	2010		-		1.000	1.000	Hồng
13	Ghế giáo viên	Chiếc	5	GHE1528	2015		260.000		1.000	5.000	Hồng
14	Ghế băng chờ 4 chỗ	Cái	1	GHE1505			3.820.000		1.000	1.000	Hồng
15	Ghế băng chờ 4 chỗ	Cái	1	GHE1505			3.820.000		1.000	1.000	Hồng
16	Ghế sắt băng chờ hành lang T2 nhà K6 (sv tài trợ)	Cái	2	CCDC0193					1.000	2.000	Hồng
17	Ghế gỗ đệm xanh	Cái	58	CCDC2147	2010		-		1.000	58.000	Hồng
18	Ghế gỗ	Cái	2	CCDC2148	2010		-		1.000	2.000	Hồng
19	Ghế xoay	Cái	2	CCDC2149	2010		-		1.000	2.000	Hồng
20	Ghế gỗ	Cái	1	CCDC0225	2010				1.000	1.000	Hồng
21	Ghế xoay	Cái	2	CCDC1419	2010		-		1.000	2.000	Hồng
22	Ghế chân quỳ	Cái	1	CCDC1420	2010		-		1.000	1.000	Hồng
23	Ghế đứng lấy sách	Cái	2	CCDC1418	2010				1.000	2.000	Hồng
24	Ghế xoay	Cái	4	CCDC1470	2010				1.000	4.000	Hồng
25	Ghế băng chờ 170x50x75cm	Cái	12	CCDC1494	2010				1.000	12.000	Hồng
26	Ghế gỗ SV	Cái	80	CCDC1495	2019		74.360.000		1.000	80.000	Hồng
27	Ghế gỗ SV	Cái	2	CCDC1526	2019		1.859.000		1.000	2.000	Hồng
28	Ghế gấp hòa phát	Cái	8	CCDC1543					1.000	8.000	Hồng
29	Ghế làm việc các khoa	Chiếc	10	GHE1519	2015		5.100.000		1.000	10.000	Hồng
30	Ghế gấp,(Hương)	Cái	3	CCDC1561	2010		-		1.000	3.000	Hồng

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
31	Ghế gỗ ba nan (Tổ Công Pháp)	Cái	3	CCDC1576	2010		-		1.000	3.000	Hỏng
32	Ghế gấp XH	Cái	8	CCDC1611	2010				1.000	8.000	Hỏng
33	Ghế gỗ cũ	Cái	2	CCDC1744					1.000	2.000	Hỏng
34	Ghế chủ nhiệm, phó chủ nhiệm khoa	2015	2	GHE1518	4.200.000				1.000	2.000	Hỏng
35	Ghế xoay	2019	2	CCDC1749					1.000	2.000	Hỏng
36	Ghế gỗ cũ	Cái	5	CCDC1765					1.000	5.000	Hỏng
37	Ghế xoay	Cái	1	CCDC1775					1.000	1.000	Hỏng
38	Ghế gấp xuân hoà	Cái	36	CCDC0317	2014				1.000	36.000	Hỏng
39	Ghế chân quỳ	Cái	6	CCDC1833	2017		-		1.000	6.000	Hỏng
40	Ghế gỗ đơn	Cái	2	CCDC0301	2018				1.000	2.000	Hỏng
41	Ghế giáo viên	Chiếc	1	GHE1528	2015		260.000		1.000	1.000	Hỏng
42	Ghế gỗ 3 nan cũ	Cái	3	CCDC1885			-		1.000	3.000	Hỏng
43	Ghế xoay (LH Linh)	Cái	1	CCDC1882			-		1.000	1.000	Hỏng
44	Ghế gỗ (PLVP)	Cái	2	CCDC1873			-		1.000	2.000	Hỏng
45	Ghế gấp cũ	Cái	2	CCDC1871					1.000	2.000	Hỏng
46	Ghế gỗ (NVP)	Cái	2	CCDC1873					1.000	2.000	Hỏng
47	Ghế xoay	Cái	3	CCDC1291			-		1.000	3.000	Hỏng
48	Ghế trường, phó phòng	Chiếc	1	GHE1514	2015		2.100.000		1.000	1.000	Hỏng
49	Ghế nhân viên	Chiếc	1	GHE1515	2015		2.120.000		1.000	1.000	Hỏng
50	Ghế xoay	Cái	8	CCDC1904	2010		-		1.000	8.000	Hỏng
51	Ghế gấp	Cái	2	CCDC1913					1.000	2.000	Hỏng
52	Ghế xoay	Cái	2	CCDC1942					1.000	2.000	Hỏng
53	Ghế xoay	Cái	6	CCDC1943					1.000	6.000	Hỏng
54	Ghế gấp	Cái	5	CCDC1931					1.000	5.000	Hỏng
55	Ghế chủ nhiệm, phó chủ nhiệm khoa	Chiếc	1	GHE1518	2015		2.100.000		1.000	1.000	Hỏng
56	Ghế đệm xanh	Cái	1	CC25005	23/9/2013				1.000	1.000	Hỏng

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
57	Ghế đệm xanh	Cái	1	CC25006	23/9/2013				1.000	1.000	Hỏng
58	Ghế đệm xanh	Cái	1	CC25007	23/9/2013				1.000	1.000	Hỏng
59	Ghế đệm xanh	Cái	1	CC25008	23/9/2013				1.000	1.000	Hỏng
60	Ghế đệm xanh	Cái	1	CC25009	23/9/2013				1.000	1.000	Hỏng
61	Ghế đệm xanh	Cái	1	CC25010	23/9/2013				1.000	1.000	Hỏng
62	Ghế đệm xanh	Cái	1	CC25012	23/9/2013				1.000	1.000	Hỏng
63	Ghế đệm xanh	Cái	1	CC25013	23/9/2013				1.000	1.000	Hỏng
64	Ghế đệm xanh	Cái	1	CC25014	23/9/2013				1.000	1.000	Hỏng
65	Ghế đệm xanh	Cái	1	CC25004	23/9/2013				1.000	1.000	Hỏng
66	Ghế khác	Cái	1	CC25015	23/9/2013				1.000	1.000	Hỏng
67	Ghế khác	Cái	1	CC25016	23/9/2013				1.000	1.000	Hỏng
68	Ghế khác	Cái	1	CC25011	23/9/2013				1.000	1.000	Hỏng
69	Ghế xoay khác	Cái	1	CC25018	23/9/2013				1.000	1.000	Hỏng
70	Ghế xoay khác	Cái	1	CC25019	23/9/2013				1.000	1.000	Hỏng
71	Ghế xoay khác	Cái	1	CC25017	23/9/2013				1.000	1.000	Hỏng
II.12	Tủ các loại		52							-	
1	Tủ gỗ lim KT 1200 x 2400 x 600	Cái	2	1289	2001		16.200.000		1.000	2.000	Cong vênh, nứt
2	Tủ tài liệu gỗ lim 2 buồng 1.2x2.2m	Cái	1	CCDC0200					1.000	1.000	Cong vênh, nứt
3	Tủ TL sắt 2 buồng 90x183x45cm	Cái	1	CCDC1586	2021				1.000	1.000	Cong vênh
4	Hộc tủ gỗ CN 0,47x0,50x0,70	Cái	2	CCDC1306					1.000	2.000	Mọt gỗ
5	Tủ tài liệu D275xC235xR50cm	Cái	1	CCDC1472	2000		-		1.000	1.000	Mục ruỗng
6	Tủ tài liệu 4 buồng gỗ CN 190x200x40cm	Cái	1	CCDC1432					1.000	1.000	Mọt gỗ
7	Tủ tài liệu các khoa, bộ môn (Tổ Công pháp)	Chiếc	4	TU1518	2015		10.440.000		1.000	4.000	Cong vênh, nứt
8	Tủ bàn nước	Chiếc	1	CCDC1579	2010				1.000	1.000	vỡ kính, bong tróc
9	Tủ bàn nước cũ, (Tư pháp)	Cái	1	CCDC1567	2010		-		1.000	1.000	vỡ kính, bong tróc
10	Tủ tài liệu gỗ lim 2 buồng	Cái	1	CCDC2119	2000		-		1.000	1.000	Cong vênh, nứt

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
11	Tủ tài liệu sắt 2 cánh	Cái	1	CCDC0704	2019				1.000	1.000	Cong vênh, hỏng khoá
12	Tủ tài liệu sắt 2 cánh	Cái	1	CCDC0885					1.000	1.000	Cong vênh, hỏng khoá
13	Tủ gỗ lim KT 2500 x 400 x 1000	Cái	3	1039	2000		17.400.000		1.000	3.000	Cong vênh, nứt
14	Tủ tài liệu sắt 6 ngăn 180x100x45cm	Cái	1	CCDC1693	2010		-		1.000	1.000	Cong vênh, hỏng khoá
15	Tủ tài liệu sắt 6 ngăn 180x100x45cm	Cái	1	CCDC1694	2021		-		1.000	1.000	Cong vênh, hỏng khoá
16	Tủ đựng đồ thi KT 2,2m x 1,2m x 0,5	Cái	1	632.1	1999		5.300.000		1.000	1.000	bung bàn lề
17	Tủ tài liệu gỗ lim KT 2.2mx1.2mx0.5m	Cái	1	CCDC1719	1999				1.000	1.000	Cong vênh, vỡ kính
18	Tủ tài liệu sắt 2 ngăn	Cái	1	CCDC1720	2021				1.000	1.000	Hỏng
19	Tủ TL D100xC236xR40 2 khoang	Cái	2	CCDC1845	2023		9.900.000		1.000	2.000	âm, bung cánh
20	Tủ TL D100xC236xR40 1 khoang	Cái	1	CCDC1846	2023		4.994.000		1.000	1.000	âm, bung cánh
21	Tủ gỗ lim đựng bảo KT 1000 x 2200 x	Cái	1	1340	2001		8.450.000		1.000	1.000	Cong vênh, nứt
22	Tủ gỗ lim KT 950 x 2500 x 600	Cái	2	1339	2001		17.400.000		1.000	2.000	Hỏng cánh, gãy thanh đợt
23	Tủ tài liệu trường phòng (tủ 4 buồng)	Chiếc	1	TU1512	2015		6.150.000		1.000	1.000	Hỏng
24	Kệ sắt	Cái	1	CCDC1897	2001		-		1.000	1.000	Hỏng
25	Tủ sắt 12 ngăn đựng đồ sv	Cái	3	CCDC1975	2015				1.000	3.000	Gi sắt, cong vênh
26	Tủ sắt 12 ngăn đựng đồ sv	Cái	3	CCDC1983	2015				1.000	3.000	Gi sắt, cong vênh
27	Tủ tài liệu các khoa, bộ môn	Chiếc	6	TU1518	2015		15.660.000		1.000	6.000	Bung cánh
28	Tủ tài liệu các khoa, bộ môn (LHN&GĐ)	Chiếc	5	TU1518	2015		13.050.000		1.000	5.000	Bung cánh
29	Tủ tài liệu sắt 2 buồng	Cái	1	CCDC2070	2019				1.000	1.000	Gi sắt, cong vênh
30	Tủ tài liệu sắt 2 buồng	Cái	1	CCDC2075	2019				1.000	1.000	Gi sắt, cong vênh
II.13	Quạt các loại		55							-	

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
1	Quạt cây	Cái	1	CCDC0003	2018		-		30.000	30.000	Hỏng bo mạch
2	Quạt cây Mitsubishi	Cái	1	CCDC0018	2015		-		30.000	30.000	Chập mạch điện
3	Quạt cây Mitsubishi	Cái	1	CCDC0023	2016		-		30.000	30.000	Hỏng bo mạch
4	Quạt cây	Cái	1	CCDC0031	2015		-		30.000	30.000	Hỏng bo mạch
5	Quạt cây	Cái	1	CCDC1295	2015		-		30.000	30.000	Hỏng bo mạch
6	Quạt cây	Cái	1	CCDC0164					30.000	30.000	Hỏng bo mạch
7	Quạt cây	Cái	3	CCDC0253					30.000	90.000	Hỏng nguồn
8	Quạt treo tường	Cái	1	CCDC1386					30.000	30.000	Hỏng tụ điện
9	Quạt trần	Cái	6	CCDC1513			-		40.000	240.000	Hỏng tụ điện
10	Quạt thông gió	Cái	7	CCDC1405			-		20.000	140.000	Hỏng tụ điện
11	Quạt cây	Cái	3	CCDC1612					20.000	60000	
12	Quạt trần	Cái	1	CCDC0550	2019		-		40.000	40.000	Hỏng tụ điện
13	Quạt trần	Cái	1	CCDC0780	2019		-		40.000	40.000	Hỏng tụ điện
14	Quạt trần	Cái	1	CCDC0999	2019				40.000	40.000	Hỏng bị cháy
15	Quạt trần	Cái	1	CCDC1004	2019		-		40.000	40.000	Hỏng bo mạch
16	Quạt trần	Cái	1	CCDC1044	2019		-		40.000	40.000	Hỏng bo mạch
17	Quạt trần	Cái	1	CCDC1160	2018		-		40.000	40.000	Cháy dây đồng
18	Quạt trần	Cái	1	CCDC1203	2019		-		40.000	40.000	Cháy
19	Quạt trần	Cái	1	CCDC1210	2019		-		40.000	40.000	Cháy
20	Quạt treo tường	Cái	1	CCDC1590	2013		-		30.000	30.000	Hỏng cháy quận đồng
21	Quạt cây	Cái	1	CCDC1612					30.000	30.000	Hỏng cháy quận đồng
22	Quạt cây Vinawind	Cái	1	CCDC1796	2015		-		30.000	30.000	Hỏng cháy quận đồng
23	Quạt cây	Cái	2	CCDC1795					30.000	60000	
24	Quạt trần	Cái	1	CCDC0299	2019				40.000	40.000	Hỏng cháy quận đồng
25	Quạt trần	Cái	1	CCDC0437	2013				40.000	40.000	Hỏng cháy quận đồng
26	Quạt trần	Cái	1	CCDC0356	2016				40.000	40.000	Hỏng cháy quận đồng

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
27	Quạt trần	Cái	1	CCDC0295	2019				40.000	40.000	Hỏng cháy quận đồng
28	Quạt trần	Cái	1	CCDC0438	2013				40.000	40.000	Hỏng cháy quận đồng
29	Quạt trần	Cái	2	CCDC0468	2013				40.000	80.000	Hỏng cháy quận đồng
30	Quạt trần	Cái	2	CCDC0475	2013				40.000	80.000	Hỏng cháy quận đồng
31	Quạt trần	Cái	1	CCDC0477	2013				40.000	40.000	Hỏng cháy quận đồng
32	Quạt trần	Cái	1	CCDC0405	2019				40.000	40.000	Hỏng cháy quận đồng
33	Quạt trần	Cái	1	CCDC0419	2019				40.000	40.000	Hỏng cháy quận đồng
34	Quạt treo tường	Cái	1	CCDC1288					30.000	30.000	Hỏng cháy quận đồng
35	Quạt treo tường	Cái	2	CCDC1918	2013				30.000	60.000	Hỏng cháy quận đồng
36	Quạt thông gió	Cái	1	CCDC1967					20.000	20.000	Hỏng cháy quận đồng
II.14	Phích điện		12							-	
1	Phích điện	Cái	2	CCDC1335	2016		3.960.000		5.000	10.000	Hỏng bơm
2	Phích điện	Cái	2	CCDC1344	2016		3.960.000		5.000	10.000	Hỏng bơm
3	Phích điện	Cái	1	CCDC1357	2017		1.670.000		5.000	5.000	cháy nguồn
4	Phích điện Tiger 4 Lit	Cái	1	CCDC1358	2018		-		5.000	5.000	Hỏng nguồn
5	Phích đun nước	Cái	1	CCDC1376	2020				5.000	5.000	Hỏng bơm
6	Phích điện	Cái	1	CCDC1564	2018				5.000	5.000	Cháy
7	Phích điện	Cái	1	CCDC1690	2022				5.000	5.000	Cháy
8	Phích điện cũ	Cái	1	CCDC1786					5.000	5.000	Hỏng bơm
9	Phích điện	Cái	1	CCDC2063	2019				5.000	5.000	Hỏng nguồn
10	Bình thủy đun nước	Cái	1	CC25001	2009		-		5.000	5.000	Hỏng bơm
II.15	Bảng		7							-	
1	Bảng từ	Cái	1	CCDC1374	2022				2.000	2.000	Bong lớp phủ
2	Bảng ghim ni 60x80cm	Cái	1	CCDC1390	2022				2.000	2.000	rách ni

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
3	Bảng từ 1.2x2m	Cái	1	CCDC1588	2022		-		2.000	2.000	Ko hút được nam châm
4	Bảng từ 1.5x2m (hành lang ngoài cửa)	Cái	1	CCDC1589	2022		-		2.000	2.000	Bong lớp phủ
5	Bảng từ (năm 2022)	Cái	1	CCDC1669	2022		-		2.000	2.000	Bong lớp phủ
6	Bảng từ xanh 105x155cm	Cái	1	CCDC1751					2.000	2.000	Bong lớp phủ
7	Bảng từ	Cái	1	CCDC1916					2.000	2.000	Viết phần không bám
II.16	Giá kệ các loại		76							-	
1	Kệ medium 4 tầng	Cái	4	CCDC1410	2010		-			-	Ko sử dụng
2	Kệ medium 5 tầng	Cái	13	CCDC1411	2010		-			-	Ko sử dụng
3	Kệ áp tường 7 tầng	Cái	16	CCDC1412	2010					-	Ko sử dụng
4	Giá sách (tủ kính)	Cái	22	CCDC1409	2010					-	Ko sử dụng
5	Kệ sách đôi	Cái	1	CCDC1483	2010					-	Ko sử dụng
6	Kệ sách áp tường	Cái	2	CCDC1484	2010					-	Ko sử dụng
7	Giá tạp chí chéo	Cái	4	CCDC1506	2010					-	Ko sử dụng
8	Giá nhôm 5 tầng (3 giá đúc liền)	Cái	3		2010					-	Ko sử dụng
9	Giá nhôm 5 tầng (2 giá đúc liền)	Cái	3		2010					-	Ko sử dụng
10	Giá nhôm 7 tầng	Cái	2		2010					-	Ko sử dụng
11	Giá nhôm tạp chí chéo 1 mặt	Cái	1		2010					-	Ko sử dụng
12	Giá nhôm chéo 2 mặt	Cái	2		2010					-	Ko sử dụng
13	Giá để tài liệu	Cái	1	CC25026	28/6/2021		3.800.000			-	Hỏng, gãy giá
14	Giá gỗ R1,2mx C2,2m x S0,36m	Cái	1	GIA25003			-			-	Gãy, một
15	Giá sách R1,2m x C2,2m X S0,36m	Cái	1	GIA25004			-			-	Gãy, một
II.17	Màn chiếu		13							-	
1	Màn chiếu	Cái	1				-		1.000	1.000	Hỏng mô tơ cuốn
2	Màn chiếu	Cái	1				-		1.000	1.000	Hỏng mô tơ cuốn

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
3	Màn chiếu	Cái	1				-		1.000	1.000	Hỏng mô tơ cuốn
4	Màn chiếu	Cái	1				-		1.000	1.000	Hỏng mô tơ cuốn
5	Màn chiếu	Cái	1				-		1.000	1.000	Hỏng mô tơ cuốn
6	Màn chiếu	Cái	1				-		1.000	1.000	Hỏng mô tơ cuốn
7	Màn chiếu	Cái	1				-		1.000	1.000	Hỏng mô tơ cuốn
8	Màn chiếu	Cái	1				-		1.000	1.000	Hỏng mô tơ cuốn
9	Màn chiếu	Cái	1				-		1.000	1.000	Hỏng mô tơ cuốn
10	Màn chiếu	Cái	1				-		1.000	1.000	Hỏng mô tơ cuốn
11	Màn chiếu điện Snowwhite KT 3,05m x 3,05m	Cái	2	2210	2010		13.613.600		1.000	2.000	Hỏng mô tơ cuốn
12	Màn chiếu	Cái	1	CCDC0341	2022		2.200.000		1.000	1.000	Hỏng mô tơ cuốn
II.18	Các loại công cụ dụng cụ khác		124							-	
1	Ổ cứng HDD WD 1 TB Black (Hiện)	Cái	1	CCDC0048	2022				1.000	1.000	Hỏng
2	Máy dập ghim đại Max HD-L. Foto. Oanh	Cái	1	CCDC1294	2023		4.550.000		30.000	30.000	Hỏng
3	Bàn cắt giấy Bosser 858A4. P Foto. Oanh	Cái	1	2929	2019		5.290.000		30.000	30.000	Hỏng
4	Điện thoại bàn	2013	1	CCDC1353	2013				1.000	1.000	Hỏng
5	Máy hút bụi	Cái	1	CCDC1334	2010				30.000	30.000	Hỏng, nguồn ko chạy
6	Điện thoại bàn Panasonic KX500	Cái	1	CCDC0216	2022		299.000		1.000	1.000	Hỏng
7	Máy đếm tiền MASU 666. TCKT	Cái	1	3617	2021		7.425.000		30.000	30.000	Hỏng
8	Điện thoại kéo dài Panasonic KX-TGD312. ĐT.A106, 107, 108	Cái	1	CCDC0184	2023		1.947.000		1.000	1.000	Hỏng ko chạy
9	Tủ lạnh Laser	Cái	1	CCDC0208	2003		-		100.000	100.000	Hỏng lốc
10	Tủ lạnh Laser	Cái	1	CCDC0209	2003		-		100.000	100.000	Hỏng lốc
11	Xe gom rác 500L	Cái	4	CCDC1282	2022		13.420.000		30.000	120.000	Hỏng một thùng đáy thùng xe gom
12	Máy đếm tiền OUDIS 9900	Cái	1	2583	2016		6.765.000		30.000	30.000	Hỏng ko chạy
13	Điện thoại để bàn	Cái	1	CCDC1375			-		1.000	1.000	Hỏng

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
14	Đầu đọc mã vạch để bàn	Cái	2	CCDC1372	2007		-		5.000	10.000	Hỏng
15	Ổn áp Lioa	Cái	1	CCDC1373	2007				30.000	30.000	Hỏng
16	Lưu điện Santak	Cái	1	CCDC1510	2018				30.000	30.000	Hỏng nguồn
17	Cisco Access point	Cái	2	CCDC1407	2010				1.000	2.000	Hỏng
18	Camera giám sát	Cái	6	CCDC1422	2015				1.000	6.000	Hỏng
19	Thang gấp	Cái	1	CCDC1417	2010				30.000	30.000	Gãy
20	Đầu đọc mã vạch để bàn	Cái	1	CCDC1502	2010				5.000	5.000	Hỏng ko chạy
21	Tai nghe	Cái	1	CCDC1525	2015				1.000	1.000	Hỏng đứt dây
22	Kết sắt việt tiếp	Cái	1	CCDC1423	2019				50.000	50.000	Hỏng, kẹt
23	Gương treo tường	Cái	1	CCDC1581	2015		1.288.000		5.000	5.000	Vỡ
24	Kết sắt (năm 2000)	Cái	1	CCDC1587	2000		-		50.000	50.000	Hỏng ăn mòn hoá học, kẹt khoá số
25	ĐTĐĐ Nokia 8210 4G(Ngân)	Cái	1	CCDC1624	2023		1.590.000		100.000	100.000	Hỏng nguồn
26	ĐTĐĐ Nokia 8210 4G(Hiền)	Cái	1	CCDC1605	2023		1.590.000		100.000	100.000	Hỏng nguồn
27	Bình nóng lạnh Ariston	Cái	1	CCDC0782	2019				30.000	30.000	Hỏng dò nước
28	Bình nóng lạnh Ariston	Cái	1	CCDC0832	2019		-		30.000	30.000	Cháy hỏng
29	Bình nóng lạnh Ariston	Cái	1	CCDC0878	2019				30.000	30.000	Cháy hỏng
30	Bình nóng lạnh Ariston	Cái	1	CCDC1243	2019		-		30.000	30.000	Cháy hỏng
31	Bình nóng lạnh Ariston	Cái	1	CCDC0895	2019				30.000	30.000	Cháy hỏng
32	Kết sắt	Cái	1	CCDC1654	2000		-		50.000	50.000	Hỏng ăn mòn hoá học, kẹt khoá số
33	Kết sắt	Cái	1	CCDC1703	2000		-		50.000	50.000	Hỏng ăn mòn hoá học, kẹt khoá số
34	Tai nghe	Cái	36	CCDC0318	2014				1.000	36.000	Hỏng
35	Mắt camera	Cái	2	CCDC0320	2015				1.000	2.000	Hỏng
36	Máy ảnh Canon S95	Cái	1	2242	2010		8.703.500		30.000	30.000	Hỏng
37	Máy hủy tài liệu	Cái	1	CCDC1919			-		30.000	30.000	Hỏng

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
38	Tai nghe	Cái	32	CCDC1968	2015				1.000	32.000	Đứt dây
39	Điện thoại để bàn	Cái	1	CC25028				-	1.000	1.000	Hỏng
40	Điện thoại để bàn	Cái	1	CC25029					1.000	1.000	Hỏng
41	Điện thoại để bàn	Cái	1	CC25030					1.000	1.000	Hỏng
42	Điện thoại để bàn	Cái	1	CC25031					1.000	1.000	Hỏng
43	Điện thoại để bàn	Cái	1	CC25032					1.000	1.000	Hỏng
44	Điện thoại để bàn	Cái	1	CC25027					1.000	1.000	Hỏng
45	Máy ảnh Canon ZOOM LENS 5xA2300S	Cái	1	CC25020	31/12/2012		2.355.000		30.000	30.000	Hỏng
46	Máy quay KTS SONY DCR-PJ6E	Cái	1	CC25022	17/12/2013		5.173.000		50.000	50.000	Hỏng
47	Máy tính xách tay Dell-VOSTRO V2420	Cái	1	CC25025	30/12/2013		7.900.000		100.000	100.000	Hỏng
III	Vật tư, vật liệu thu hồi do sửa chữa, rác thải		626							630.000	
1	Khoá cửa phòng làm việc A206; A204; A208; A209	Bộ	4		2013				2.000	8.000	Hỏng
2	Rèm vải	Bộ	3						1.000	3.000	
3	Cửa kính cửa sổ	Bộ	3						1.000	3.000	
4	Cửa đi	Bộ	1						1.000	1.000	
5	Bóng đèn	Bộ	84		2023				1.000	84.000	
6	Cửa gỗ công nghiệp nhà vệ sinh 1 cánh	Cái	6		2013				1.000	6.000	Mọt, gãy cánh
7	Gương treo tường nhà vệ sinh	Cái	24		2013				1.000	24.000	Hỏng
8	Hộp đựng nước rửa tay	Cái	12		2013				1.000	12.000	Vỡ
9	Hộp đựng giấy nhò	Cái	42		2013				1.000	42.000	Hỏng
10	Hộp đựng giấy to	Cái	12		2013				1.000	12.000	Hỏng
11	Lavabo	Cái	6		2013				1.000	6.000	hỏng, ổ vàng
12	Lavabo bàn đá	Cái	24		2013				1.000	24.000	hỏng, ổ vàng
13	Quạt hút mùi nhà vệ sinh	Cái	48		2013				1.000	48.000	Hỏng
14	Tiểu nam	Cái	24		2013				1.000	24.000	Ổ hỏng

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý						Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)			
15	Vách ngăn phòng gỗ ép CN	Cái	12		2013				1.000	12.000	
16	Vòi rửa	Cái	12		2013				1.000	12.000	Hàn, gi
17	Vòi xịt	Cái	42		2013				1.000	42.000	Gãy hỏng
18	Xí bệt	Cái	42		2013				1.000	42.000	
19	Khuôn cửa gỗ	Bộ	8						1.000	8.000	Mối, mọt, gãy
20	Lắp viên xi bệt	Bộ	12						1.000	12.000	Ổ hỏng
21	Khuôn gỗ dây cáp	Cái	2						1.000	2.000	
22	Cánh cửa nhôm	Cái	1						1.000	1.000	Cong, vênh
23	Bê tông lắp cống	Cái	3						1.000	3.000	
24	Khung biển báo ra vào cơ quan	Cái	2						1.000	2.000	Hỏng
25	Thùng rác hỏng	Cái	2						1.000	2.000	Hỏng
26	Biển chỉ dẫn	Cái	1						1.000	1.000	Hỏng
27	Bê tông lắp cống	Tấm	5						1.000	5.000	
28	1 Bê tông lắp cống; 1 mảng gạch ốp tường; 2 tấm gạch ốp tường	Tấm	4						1.000	4.000	
29	Bao rác thải cát	Bao	1						1.000	1.000	
30	Tấm gỗ nát	Tấm	2						1.000	2.000	
31	Khung sắt rào chắn	Tấm	6						1.000	6.000	
32	Ghế đá gãy	Cái	1						1.000	1.000	
33	Tấm Trần panel	Tấm	20						1.000	20.000	
34	Tấm paner, aphic	Cái	4						1.000	4.000	
35	Kính vỡ	Tấm	1						1.000	1.000	
36	Tấm paner, aphic	Cái	1						1.000	1.000	
37	Máng đèn	Cái	1						1.000	1.000	
38	Dọn rác, quét dọn kho gấm KTX Nhà K1, K3, K4	Phòng	3						1.000	3.000	
39	Át hộp tủ điện tổng nhà B	Cái	1						1.000	1.000	Hỏng
40	Thùng rác nhựa 60L	Cái	57						1.000	57.000	Hỏng, gãy bánh xe, vỡ nắp, bạc màu
41	Dây VGA	Sợi	1		2024				1.000	1.000	Hỏng
42	Dây HDMI 15m	Sợi	1		2024				1.000	1.000	Hỏng

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Hiện trạng tài sản đề nghị thanh lý					Đơn giá đề nghị thanh lý (đ)	Giá thanh lý (đ)	Tình trạng tài sản	
			Số lượng	Số đăng ký TS (nếu có)	Năm đưa vào sử dụng	Tỉ lệ còn lại (%)	Giá trị theo dõi trên sổ sách kế toán				
							Nguyên giá (đ)				Giá trị còn lại cuối năm 2025(đ)
43	Dây HDMI 15m	Sợi	1		2024			1.000	1.000	Hỏng	
44	Dây HDMI 15m	Sợi	1		2024			1.000	1.000	Hỏng	
45	Dây HDMI 15m	Sợi	1		2024			1.000	1.000	Hỏng	
46	Dây HDMI 15m	Sợi	1		2024			1.000	1.000	Hỏng	
47	Vách ngăn cửa PCCC 0,7x2,14m	Bộ	1					1.000	1.000	Hỏng	
48	Cửa gỗ có ô kính nhỏ 0,7x2,16m (4 cánh có ô kính)	Bộ	2					1.000	2.000	Mỗi một	
49	Cửa gỗ có ô kính to 1,18mx2,58m (4 cánh có ô kính)	Bộ	2					1.000	2.000	vỡ kính, một	
50	Đồng hồ treo tường	Cái	1		2011			1.000	1.000	Hỏng ko chạy	
51	Đồng hồ treo tường	Cái	2		2010			1.000	2.000	Hỏng	
52	Phôi thẻ từ Hico	Cái	70		2020			1.000	70.000	Ko tích hợp	
53	Vách ngăn 100cm-C195cm	Cái	3		2013			1.000	3.000	Hỏng	
	Tổng cộng (I + II + III)						5.320.488.861	-	-	49.169.000	

st